

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1999 (có mặt).

- Bị đơn: A Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng A chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 20/3/2018*). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống rất hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Hoàng A có lần đánh đập chị, chị và anh Hoàng A đã ly thân hơn 02 tháng nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng A.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Hoàng A có 02 người con chung tên Nguyễn Yến V, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 18/10/2018. Hiện chị đang nuôi cháu D, còn cháu V sống với anh Hoàng A. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu V và D. Yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu ngày 28/12/2020, chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Yến V, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Hoàng A trực tiếp nuôi, do hiện nay cháu V đang sống chung với anh Hoàng A. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu.

Tại phiên tòa, chị T cương quyết ly hôn với anh Hoàng A.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng A: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Hoàng A vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng A có nơi cư trú tại khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh Hoàng A là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T có mặt anh Hoàng A vắng mặt. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hoàng A không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị và anh Hoàng A đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh Hoàng A đã ly thân hơn 02 tháng nay.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Hoàng A.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh Hoàng A có 02 người con chung tên Nguyễn Yến V, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 18/10/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con. Tại đơn yêu cầu ngày 28/12/2020 chị đồng ý giao cháu Nguyễn Yến V cho anh Hoàng A trực tiếp nuôi, chị trực tiếp nuôi cháu D.

Xét, con chung tên Nguyễn Yến V, sinh ngày 18/7/2016 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 18/10/2018. Hiện nay cháu V đang sống chung với anh Hoàng A, còn cháu D đang sống với chị. Từ khi chị và anh Hoàng A sống ly thân đến nay cháu V sống

cùng với anh Hoàng A, gần gũi với anh Hoàng A, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Còn cháu D đang sống với chị, gần gũi với chị.

Tại phiên tòa chị đồng ý giao cháu V cho anh Hoàng A trực tiếp nuôi.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Tiếp tục giao cháu Nguyễn Yên V, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 18/10/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Tại đơn yêu cầu và tại phiên Tòa chị T không đặt ra việc cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị T xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Yên V, sinh ngày 18/7/2016 cho anh Nguyễn Hoàng A được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 19/10/2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; ngày 03/11/2020 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004221 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thới;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thới;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công